

# Kiểm toán nội bộ trong quá trình đổi mới cơ chế quản trị ở các trường đại học công lập tại Việt Nam

 PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyễn\*

Nhận: 04/04/2022

Biên tập: 06/04/2022

Duyệt đăng: 20/04/2022

## Tóm tắt

Kiểm toán nội bộ (KTNB) tại các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các trường đại học thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư là một yêu cầu bắt buộc của Chính phủ theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP. Đây là một vấn đề mới trong công tác quản lý ở các trường đại học công lập. Bài viết này nhằm phân tích một số khía cạnh của tổ chức KTNB trong quá trình đổi mới cơ chế quản trị ở các trường đại học công lập, để các cơ sở giáo dục đại học có thể tổ chức hoạt động KTNB có hiệu lực.

**Từ khóa:** kiểm toán nội bộ, tự chủ đại học, quản trị đại học

## Abstract

Internal audit in non-profit entities, including public full autonomous universities are required by government under the Decree 05/ND-CP. This is a new management approach among public universities in Vietnam. This paper is to review experiences of internal audit in public universities at international level and analyze a legal framework in regard to university autonomy and internal audit policy from government. The research results are useful for making recommendations and suggestion for future researches.

**Key words:** internal audit, university autonomy, university governance

**JEL:** I22, I23, I28, M40, M48

## 1. Tính cấp thiết

Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo là một chủ trương lớn được đề cập trong Nghị quyết 29 NQ/TW năm 2013, đã ảnh hưởng đến nhiều mặt trong công tác quản lý giáo dục, trong đó có giáo dục đại học. Thực hiện chủ trương đó, mô hình thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của các trường đại học theo tinh thần Nghị quyết 77/NQ-CP/2014 và những sửa đổi gần đây trong Luật Giáo dục đại học 34, Nghị định 60/NĐ-CP/2021 về cơ chế tự chủ đã tạo hành lang pháp lý để các cơ sở giáo dục (CSGD) tự chủ hơn trong điều hành hoạt động, gồm tự chủ về bộ máy và nhân sự, tự chủ đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) và

tự chủ tài chính. Tuy nhiên, tự chủ đại học gắn liền với những điều kiện cần thiết, từ việc thành lập hội đồng trường đến công tác kiểm định chất lượng đại học và đi kèm là vấn đề minh bạch, trách nhiệm giải trình của các CSGD đại học với các bên có liên quan. Trong bối cảnh đó, đổi mới cơ chế quản trị của các trường đại học là một bước đi cần thiết để các trường vừa đảm bảo thực hiện quyền tự chủ của mình, đồng thời phải có những cách thức kiểm soát để hạn chế các rủi ro trong điều kiện thay đổi khung pháp lý về tự chủ đại học. KTNB lần đầu tiên được yêu cầu vận dụng trong các CSGD đại học

tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, mở ra nhiều thách thức mới về cơ cấu tổ chức, cách thức triển khai loại hình kiểm toán này trong chính nội bộ các trường đại học công lập. Các CSGD chưa hoàn toàn tự chủ chi thường xuyên, nhưng trước áp lực phải nâng cao hiệu quả hoạt động cũng cần xem xét KTNB là một nhu cầu cấp thiết trong quá trình đổi mới cơ chế quản trị đại học. Thực tiễn quá trình tổ chức triển khai KTNB ở các nước như thế nào và những định hướng trong vận dụng KTNB tại các trường đại học ở Việt Nam là những vấn đề cần được nghiên cứu, tổng kết và thảo luận để hoạt động này thực sự hữu ích cho việc quản trị trường đại học trong thời gian tới.

## 2. Tổng quan nghiên cứu về KTNB trong các trường đại học ở các nước

Viện KTNB Hoa kỳ định nghĩa: “KTNB là một hoạt động đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan được thiết kế nhằm gia tăng giá trị và cải thiện các hoạt động của tổ chức. KTNB giúp cho tổ chức đạt được các mục tiêu của mình bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận có tính nguyên tắc và hệ thống nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị”, IIA, (1999). Định

\*Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

nghĩa về KTNB cũng được nhiều học giả định nghĩa ở các khía cạnh khác nhau nhưng chung quy lại cũng hướng đến đây là hoạt động có tính độc lập, khách quan nhằm nâng cao hiệu quả của một tổ chức.

KTNB không chỉ thực hiện ở khu vực tư mà còn ở khu vực công, trong đó có các trường đại học công lập do các CSGD đại học cũng đối diện với môi trường phức tạp và sự không chắc chắn, Colicchia, Dallari, & Melacini, (2010); Lettieri & Masella, (2009); Chester, (2000). Trong một nghiên cứu về KTNB ở các trường đại học Hoa kỳ chỉ ra hoạt động KTNB trong các trường đại học hình thành từ những năm 1950, trong bối cảnh giáo dục đại học có nhiều thay đổi, mức độ phân quyền trong mỗi trường đại học ngày càng cao, hệ thống thông tin tự động trong các trường càng phức tạp, các quy định pháp lý về giáo dục đại học càng nhiều. Khi khảo sát ý kiến của 100 hiệu trưởng và giám đốc tài chính của 46 trường đại học công tại Bang Texas (Hòa kỳ) về vai trò của KTNB, kết quả nghiên cứu cho thấy cả hai nhóm nghiên cứu này đều chưa đánh giá cao tầm quan trọng của kiểm toán hoạt động, kiểm toán thành quả cũng như kết quả tư vấn từ bộ phận KTNB. Kết quả là cơ hội để làm tăng hiệu quả hoạt động và ảnh hưởng hoạt động của các trường đại học bị bỏ qua. Nhiều trường đại học chưa thực hiện chức năng KTNB một cách đầy đủ, như chưa đánh giá triển khai các chương trình đào tạo, kiểm toán tính kinh tế và hiệu năng trong hoạt động tại các trường và kiểm toán ứng dụng công nghệ thông tin. Một kết quả khác là kiểm toán viên

nội bộ được xem thực hiện chức năng như một người cảnh sát thay vì là người cung cấp dịch vụ tư vấn đối với lãnh đạo.

Một nghiên cứu khác được Marika, (2013), thực hiện về vận dụng KTNB ở các trường đại học công lập tại Ý. Kết quả chỉ ra tỷ lệ các trường có tổ chức bộ phận KTNB chỉ là 42,8%, cho thấy sự ủng hộ của các trường đối với KTNB còn chưa cao. Tại các trường có tổ chức bộ phận KTNB, khi khảo sát về báo cáo kết quả kiểm toán, nghiên cứu cho thấy 53,3% ý kiến trả lời bộ phận KTNB báo cáo trực tiếp cho trường phòng hành chính, 26,7% báo cáo cho các phòng chức năng khác, 20% báo cáo cho bộ phận kiểm soát của trường, trong khi không có ý kiến nào báo cáo trực tiếp cho hiệu trưởng. Về các nội dung kiểm toán cụ thể thì kiểm toán tài chính, kiểm toán về nguồn nhân lực được quan tâm nhiều nhất, trong khi kiểm toán về ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động xây dựng ít được quan tâm thường xuyên. Ở các trường đại học có quy mô lớn hơn thì quan tâm vào quản trị rủi ro nhiều hơn các trường đại học có quy mô nhỏ. Hoạt động kiểm toán cũng dần dịch chuyển từ kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ sang kiểm toán hoạt động, nhấn mạnh đến quản trị rủi ro như các doanh nghiệp ở khu vực tư. 75% ý kiến cho rằng, lãnh đạo nhà trường đã có các hành động khắc phục sau khi có ý kiến của KTNB ở các trường đại học tại Ý. Kết quả này hoàn toàn khác với nghiên cứu của Chester, (2000), về sử dụng ý kiến của kiểm toán tại các trường công lập ở Bang Texas.

Joe, (2015), cũng thực hiện một nghiên cứu về vai trò của KTNB, để nâng cao quản trị đại học ở các trường công lập tại Úc. Dựa trên nền tảng lý thuyết đại diện, một cuộc điều tra ý kiến các trường phòng KTNB ở 35 trường đại học công tại Úc ở ba nhóm chủ đề: sự hỗ trợ của tổ chức đối với bộ phận KTNB; hoạt động KTNB; mối quan hệ giữa ban giám hiệu với KTNB. Ở góc độ sự hỗ trợ của tổ chức, kết quả nghiên cứu cho thấy bộ phận KTNB được hội đồng trường, ban giám hiệu và kiểm toán độc lập thừa nhận rất cao (trên 92%); tuy nhiên sự hỗ trợ về các nguồn lực để thực hiện việc KTNB còn hạn chế. Sự hỗ trợ của tổ chức còn thể hiện qua việc sử dụng các khuyến nghị của kiểm toán. Nghiên cứu này cho thấy, 73.5% các khuyến nghị được thực hiện trong vòng 12 tháng, thể hiện vai trò tích cực của KTNB đối với công tác quản trị đại học.

Hoạt động kiểm toán ở các trường đại học tại Úc đã chuyển từ hình thức kiểm toán tài chính truyền thống sang kiểm toán làm tăng giá trị, phù hợp với vai trò nâng cao quản trị đại học. Dựa trên thời gian làm việc của bộ phận KTNB thì 81% thời gian dành cho kiểm toán hoạt động, kiểm toán dữ liệu điện tử, kiểm toán hợp nhất, các hoạt động làm tăng giá trị như hỗ trợ ban giám hiệu quản trị quản trị rủi ro, kiểm toán gian lận; trong khi đó thời gian dành cho kiểm toán tài chính (11,5%) và tuân thủ ít hơn (7,4%). Kết quả kiểm toán được báo cáo đầy đủ và tóm tắt cho ủy ban kiểm toán của nhà trường, và còn được báo cáo cho chủ tịch hội đồng trường (68%) và giám đốc tài chính (58%).

Mỗi nghiên cứu trên ở nhiều thời điểm khác nhau với bối cảnh kinh tế - xã hội khác nhau, nhưng qua tổng quan đã rút ra một số vấn đề sau:

**Một là**, xu thế tự chủ đại học cùng với những tiến bộ khoa học, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dẫn đến hoạt động quản trị đại học đối diện với nhiều rủi ro. Hoạt động KTNB trở thành một công cụ hữu ích cho ban quản lý (hội đồng trường và ban giám hiệu) để quản trị trường đại học trong môi trường không chắc chắn.

**Hai là**, về mặt tổ chức, KTNB là một chức năng độc lập, được báo cáo trực tiếp cho ban lãnh đạo và tùy thuộc vào mô hình của từng quốc gia mà cơ chế báo cáo có sự khác biệt: báo cáo cho hội đồng trường, ban giám hiệu hoặc các phòng chức năng. Đây là một điểm cần chú ý, khi triển khai công tác KTNB trong thực tiễn.

**Ba là**, nội dung kiểm toán có sự dịch chuyển với xu hướng kiểm toán hoạt động ngày càng nổi trội, thay vì kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ. Tùy theo đặc điểm của từng trường đại học mà nội hàm kiểm toán cũng khác nhau, trong đó kiểm toán xử lý thông tin tại các trường là một điểm đáng lưu ý, khi mà ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường ngày càng rõ rệt ở các nước phát triển. Xu thế ứng dụng CNTT ở các nước đang phát triển đặt ra nhiều thách thức cho công tác KTNB, ở các trường đại học.

**Bốn là**, nhìn nhận về vai trò tư vấn của KTNB còn có sự khác biệt và ở mức thấp. Vấn đề này còn xuất

phát từ nhận thức của ban lãnh đạo đối với KTNB và đây tiếp tục là khoảng trống nghiên cứu trong thực tiễn, ở các trường đại học công lập.

### 3. Vận dụng KTNB trong các trường đại học công lập tại Việt Nam

KTNB không phải là một khái niệm mới nhưng đối với các tổ chức ở khu vực công ở nước ta, khái niệm này lần đầu được đề cập vào năm 1997 trong Quy chế KTNB trong các DNNN<sup>1</sup>. Tuy nhiên, trong một thời gian dài công tác KTNB ở các DNNN nói riêng và các đơn vị thụ hưởng ngân sách nói chung chưa được chú trọng. Năm 2019, đánh dấu một sự thay đổi lớn khi Chính phủ ban hành Nghị định 05/NĐ-CP về KTNB trong khu vực công với đối tượng áp dụng được mở rộng, trong đó có các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Điều đó có nghĩa, các trường đại học công lập trong lộ trình tự chủ sẽ là đối tượng chi phối bởi nghị định này. Đây là một vấn đề rất mới mẻ, khi trong thời gian gần đây, hội đồng trường của các trường đại học có những thay đổi về bản chất và vị trí trong quản trị trường đại học. Do vậy, cơ chế vận hành bộ phận KTNB là vấn đề hết sức được quan tâm, khi triển khai trong thực tiễn.

#### *Đổi mới cơ chế hoạt động ở các trường đại học từ Luật Giáo dục đại học*

Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học (Luật 34) có nhiều thay đổi căn bản liên quan đến công tác quản trị ở các trường đại học, từ đổi mới vị trí của hội đồng trường đến

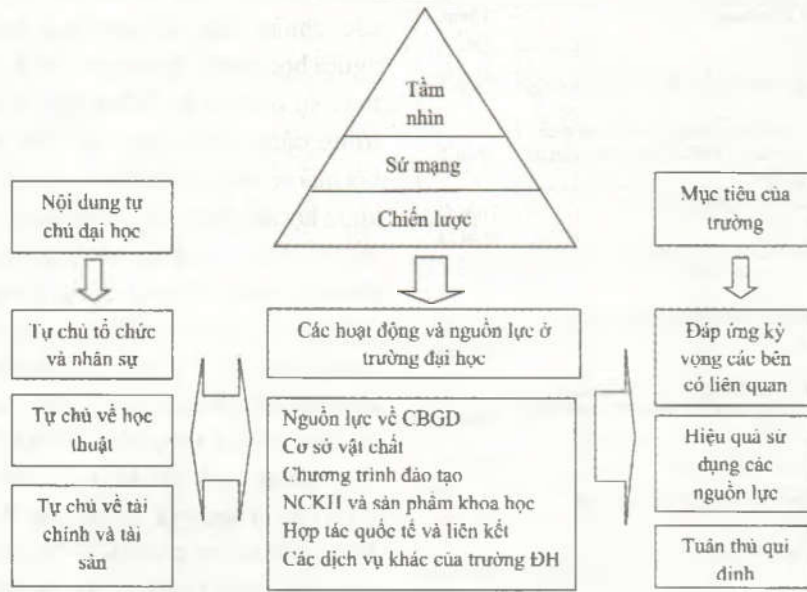
giao quyền tự chủ, và tăng cường tinh minh bạch, tự chịu trách nhiệm của các CSGD đại học. Tổng kết từ thực hiện Nghị quyết 77 và nội dung của Luật 34, tự chủ ở các trường chia thành ba nhóm: tự chủ tổ chức và nhân sự, tự chủ về học thuật, và tự chủ về tài chính và tài sản. Tuy nhiên, mọi sự tự chủ gắn liền với các điều kiện về hoạt động kiểm định chất lượng của trường có đạt hay không, hội đồng trường đã thành lập hay chưa, khung pháp lý quan trọng của nhà trường như Quy chế tổ chức và hoạt động đã ban hành chưa? Ngoài ra, tất cả các hoạt động ở CSGD được giao quyền tự chủ phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Chính điều này đã dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong rất nhiều hoạt động, nổi lên là các hoạt động về đầu tư, sử dụng tài sản công khi cho thuê, liên kết đào tạo trong và ngoài nước, mở ngành mới và cả công tác tuyển dụng, bổ nhiệm hay sa thải nhân sự. Đối với những đơn vị tự chủ chi thường xuyên và tự chủ chi đầu tư thì áp lực về sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của CSGD ngày càng cao trong khi nhà nước không cấp ngân sách cho các hoạt động thường xuyên. Sơ đồ dưới đây phác họa mô hình khung về quản trị trường trong bối cảnh tự chủ và tự chịu trách nhiệm được giao nhiều hơn cho các CSGD đại học.

Trong bối cảnh đó, công tác quản trị các trường đại học có sự thay đổi căn bản, chuyển từ thụ động, trông chờ từ nguồn tài trợ ngân sách sang tự chủ, tự chịu trách nhiệm mọi hoạt động. Vì vậy, việc cảnh báo các rủi ro và tư vấn cho

<sup>1</sup> Quyết định 832 TC/QĐ/CDKT do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 10 năm 1997



Hình 1



lãnh đạo nhà trường có ý nghĩa thực tiễn rất lớn và KTNB giữ vai trò đó trong cơ chế quản trị hiện nay, ở các trường đại học. Qua thực tiễn, rủi ro ở các trường đại học có thể chia thành các nhóm như sau:

- Rủi ro liên quan đến hoạt động đào tạo, gồm công tác tuyển sinh các hệ đào tạo, mở ngành đào tạo, liên kết đào tạo, cấp chứng chỉ, văn bằng cùng với các hoạt động đảm bảo chất lượng trong suốt quá trình đào tạo.
- Rủi ro liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là thực hiện các đề tài, các đơn đặt hàng từ ngân sách Nhà nước hay chính quyền địa phương, doanh nghiệp.
- Rủi ro liên quan đến hoạt động tài chính, sử dụng tài sản công và đầu tư. Đối với hoạt động tài chính, mức học phí được xác lập với cơ chế rất mở, tùy thuộc vào các điều kiện khác nhau liên quan đến kiểm định, hệ thống định mức chi phí tương ứng với chất lượng đào tạo, chương trình quốc

tế, chất lượng cao hay đại trà, các chính sách học bổng hỗ trợ sinh viên hay ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong bối cảnh có rất nhiều văn bản pháp lý của các bộ, ngành, các trường tự chủ đối diện với những rủi ro liên quan đến không nắm bắt các qui định pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công, mua sắm và sửa chữa cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Đây là nhóm rủi ro rất lớn mà lãnh đạo các trường phải đối diện để đảm bảo mục tiêu của nhà trường.

- Rủi ro liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ và các chính sách liên quan đến người lao động trong trường đại học. Vừa tuân theo các quy định trong quản lý, sử dụng viên chức; nhưng phải có cơ chế thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả, tránh chảy máu chất xám, và khen thưởng đúng người, đúng việc là vấn đề mà các trường luôn gặp phải trong bối cảnh cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục đại học ngày càng tăng.

**Khung pháp lý về KTNB từ Nghị định 05/NĐ-CP/2019**

Nghị định 05 của Chính phủ về KTNB ở khu vực công đã tạo khung pháp lý cho việc tổ chức KTNB, có thể tổng hợp những điểm chính liên quan đến các CSGD đại học Bảng 1.

Những định hướng và khuyến nghị về tổ chức KTNB trong các CSGD đại học

Qua tổng hợp những thay đổi trên, một số vấn đề và định hướng về tổ chức công tác kiểm soát nội bộ, ở các cơ sở giáo dục đại học như sau:

*Một là*, lãnh đạo trường đại học phải nhận thức KTNB là nhu cầu có tính tất yếu khách quan để hạn chế các rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường. Mặc dù Nghị định 05 chỉ mới yêu cầu tổ chức KTNB ở các trường tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, hoặc các trường tự chủ chi thường xuyên có qui mô lớn. Tuy nhiên, các CSGD đại học khác cần nhìn nhận vị trí của KTNB, chuẩn bị sẵn nhân lực hoặc bước đầu cùng cố, kiện toàn hệ thống KSNB để quản trị nhà trường tốt nhất trong bối cảnh hiện nay.

*Hai là*, phải định vị rõ ràng vị trí của phòng (tổ) KTNB tại các trường đại học. Nghị định 05 chỉ rõ là không làm phát sinh đầu mối mới trong cơ cấu tổ chức và vô hình chung qui định này đã làm yếu đi chức năng của bộ phận này. Qua kinh nghiệm của các nước thì bộ phận này phải có vị trí độc lập, được khẳng định thì khi triển khai thực hiện KTNB mới dễ dàng trong thực tiễn. Do vậy, yêu cầu về không làm phát sinh đầu mối mới trong cơ cấu tổ chức không nên

**Bảng 1**

Các tiêu chí	Tóm tắt nội dung	Tham chiếu
Phạm vi áp dụng	CSGD tự chủ chi TX và chi đầu tư CSGD tự chủ chi TX có tổng quỹ lương trên 20 tỷ hoặc lao động hơn 200 người	Điều 9
Mục tiêu	Kiểm tra, đánh giá và tư vấn; qua đó đưa ra đảm bảo có tính khách quan, tin cậy và khuyến nghị về: hệ thống KSNB, qui trình quản trị và quản lý rủi ro, các mục tiêu của đơn vị	Điều 4
Nhân sự thực hiện KTNB	Công bằng, độc lập, khách quan, không xung đột lợi ích Có kỹ năng về KTNB Năng lực chuyển môn phù hợp và các tiêu chuẩn khác	Điều 5, Điều 11
Tổ chức bộ máy	Không phát sinh đầu mối mới, không làm tăng biên chế	Điều 8
Nội dung	Đánh giá rủi ro Lập kế hoạch kiểm toán năm và kế hoạch từng cuộc kiểm toán Cách thức thực hiện kiểm toán Báo cáo kiểm toán Theo dõi thực hiện kiến nghị sau kiểm toán	Điều 12 - Điều 17
Phương pháp thực hiện	Định hướng theo rủi ro, ưu tiên nguồn lực kiểm toán cho hoạt động có rủi ro cao	Điều 13
Trách nhiệm báo cáo	Báo cáo kết quả kiểm toán cho Thủ trưởng đơn vị	Điều 16
Sự hỗ trợ của thủ trưởng đơn vị	Tạo điều kiện thuận lợi để bộ phận KTNB thực hiện công việc Quyết định thực hiện kiến nghị kiểm toán Các trách nhiệm khác	Điều 25

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

vận dụng tại các đơn vị tự chủ, vì các đơn vị này hiện nay đã được giao quyền tự chủ về bộ máy và nhân sự. Quy định này có thể chỉ phù hợp với các cơ quan hành chính theo tinh thần Nghị định 05.

Ba là, Nghị định 05 cũng yêu cầu không phát sinh biên chế mới khi tổ chức KTNB. Trong khi đó, các yêu cầu về tính độc lập, khách quan và chuẩn nghề nghiệp lại đòi hỏi khi thực hiện KTNB. Đây là những mâu thuẫn trong nội tại, nhất là không phát sinh biên chế mới thì làm sao có thể có nhân sự có chất lượng, có kinh nghiệm thực hiện kiểm toán trong khi nhân sự này đang đảm nhận các công việc khác. Các CSGD tự chủ không còn được hỗ trợ từ ngân sách thì việc phát sinh nhân sự mới cho kiểm toán là quyền hoàn toàn từ các trường đại học. Do vậy, nên giao hẳn quyền tự chủ cho các trường để tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ KTNB để đội ngũ này hỗ trợ cho nhà trường quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động. Cần phải xem các đơn vị sự

ngiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư như mô hình doanh nghiệp nhà nước thì đảm bảo sự linh hoạt cho các đơn vị khi tổ chức bộ phận KTNB.

Bốn là, xuất phát từ mục tiêu KTNB theo Nghị định 05, thực tiễn về tự chủ đại học và kinh nghiệm tại các nước, công tác KTNB ở các trường đại học trong thời gian tới không chỉ gồm kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ, mà còn đặt trọng tâm vào kiểm toán hoạt động. Kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ gắn liền với nhau, vì nhiều qui định về học phí, chính sách hỗ trợ sinh viên, sử dụng tiền lãi gửi vào ngân hàng, sử dụng và đầu tư tài sản công... gắn liền với rất nhiều văn bản pháp luật của nhà nước. Kiểm toán tuân thủ còn gắn với các qui chế liên quan đến sử dụng cán bộ viên chức, qui chế ngành giáo dục và các quy chế trong chính nội bộ của trường đại học.

Đối với kiểm toán hoạt động, nhiều câu hỏi quản trị đặt ra trong quá trình đổi mới đại học như: quá

trình đào tạo thực sự đã đảm bảo các chuẩn đầu ra cam kết với người học chưa? hoạt động NCKH thực sự đóng góp những thay đổi trong cộng đồng chưa hay chỉ là kết quả số lượng các đề tài, bài báo khoa học đã được công bố? tài sản đầu tư được sử dụng có hiệu quả không? mức độ ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo và học tập cho các bên có liên quan và những sai phạm tiềm tàng như thế nào? chất lượng dịch vụ đại học được cải thiện ra sao? rất nhiều vấn đề đặt ra, đòi hỏi bộ phận KTNB phải nhận diện rủi ro để có kế hoạch kiểm toán hợp lý trong từng năm, tạo thêm nhiều giá trị trong công tác quản trị đại học.

Do nguồn lực của KTNB ban đầu còn hạn chế nên cần có lộ trình và kế hoạch kiểm toán phù hợp. Tuy nhiên, muốn tiến nhanh hơn nữa trong đổi mới quản trị đại học cần phải thay đổi cách nhìn về vị trí của KTNB từ phía lãnh đạo cấp cao.

#### 4. Kết luận và một số hướng nghiên cứu

Tổ chức công tác KTNB là một xu thế khách quan, cần thiết không chỉ ở các doanh nghiệp mà còn ở các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các trường đại học. Trong bối cảnh tự chủ và tự chịu trách nhiệm được giao cho CSGD đại học càng nhiều thì đây là một đòi hỏi cấp thiết và cần phải nghiên cứu, khảo sát, đúc kết kinh nghiệm. Đây là vấn đề còn mới mẻ trong thực tiễn ở các CSGD đại học tại Việt Nam, tạo ra một khoảng trống nghiên cứu cho các nhà làm chính sách, đội ngũ lãnh

đạo các trường và các nhà nghiên cứu. Một số gợi ý đưa ra đối với nghiên cứu về lĩnh vực này như sau:

- Tìm hiểu về nhận thức về vai trò, vị trí và thực tiễn triển khai công tác KTNB tại các đơn vị tự chủ đại học.

- Nhận diện, đánh giá các dạng rủi ro trong hoạt động của các trường đại học để định hình các kế hoạch kiểm toán phù hợp, làm bài học kinh nghiệm cho các CSGD chuẩn bị thực hiện tự chủ hoàn toàn.

- Nghiên cứu tác động của KTNB đối với hiệu quả hoạt động của các CSGD đại học.

- Nghiên cứu tác động của KTNB đối với hệ thống KSNB tại các CSGD đại học Việt Nam. ■

#### Tài liệu tham khảo

1. Luật số 34/2018/QH, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19/11/2018.

2. Nghị định số 05/2019/NĐ-CP; Nghị định về KTNB ban hành ngày 22/01/2019.

3. Nghị quyết số 77/2014/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các CSGD đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017.

4. Marika Arena, (2013), *Internal Audit in Italian universities: An empirical study*, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*. Doi: 10.1016/j.sbspro.2013.10.155.

5. Joe Christopher, (2015), *Internal audit: Does it enhance governance in the Australian public university sector*, *Educational Management Administration & Leadership*, Vol. 43(6) 954-971. Doi: 10.1177/1741143214543206.

6. Chester Arthur Woodard, (2000), *Administrators' Perceptions Of Internal Auditing Roles And Effectiveness In Texas And Big Twelve Public Universities*, Doctoral thesis.

#### Tiếp theo trang 9

##### *Thứ tư, các đơn vị, tổ chức, cơ sở đào tạo*

Cần tập trung tháo gỡ, hoàn thiện các vấn đề văn bản pháp lý cả lĩnh vực KT, Ki.T và lĩnh vực công nghệ; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ tương ứng, các điều kiện khác về công nghệ, dữ liệu số, hệ thống bảo mật, các phần mềm hỗ trợ KT, Ki.T đảm bảo; tập trung rà soát, xây dựng, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, KT, Ki.T phù hợp xu thế phát triển và ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực KT, Ki.T, quản lý, quản trị, điều hành các hoạt động thích ứng kịp với thời đại công nghệ số.

Tóm lại, trong bối cảnh và xu hướng phát triển công nghệ số, trong Cuộc CMCN 4.0 đã đưa đến nhiều cơ hội tốt. Đồng thời,

cũng có nhiều khó khăn thách thức và đặt ra nhiều yêu cầu cao, đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực KT và Ki.T Việt Nam. Trước những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao về ứng dụng công nghệ vào nghề nghiệp KT và Ki.T, các đơn vị, cơ quan, tổ chức, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ KT, Ki.T cần tận dụng thời cơ, những cơ hội tốt nhất và có những giải pháp phù hợp tích cực nhất vượt qua những thách thức, để đào tạo đội ngũ nhân lực KT, Ki.T đáp ứng yêu cầu thời đại số. Đối với đội ngũ KT viên, Ki.T viên cần tích cực, khẩn trương và nhanh chóng tiếp cận, làm chủ kiến thức, kỹ năng, phương pháp cả về chuyên môn sâu, rộng, chuẩn mực, nhất là về công nghệ và ứng dụng công nghệ, chú trọng đạo đức nghề nghiệp, đổi mới cách thức, tư duy

và phong cách làm việc thích ứng nhanh với nghề nghiệp KT, Ki.T trong thời đại số. ■

#### Tài liệu tham khảo

1. "Xu hướng toàn cầu của ngành KT, Ki.T và tài chính và Chiến lược của Việt Nam đến năm 2020", Bộ Tài chính, tài liệu hội thảo quốc tế.

2. "Xu hướng phát triển công nghệ số trong cuộc CMCN 4.0 - Những thách thức và cơ hội đối với lĩnh vực KT, Ki.T", GS.TS. Đoàn Xuân Tiên, Tạp chí KT và Ki.T, (2021).

3. "KT - Ki.T và Cuộc CMCN 4.0", Hội KT Thành phố Hồ Chí Minh, <https://www.hoiketoanhcm.org.vn>

4. "Tổ chức triển khai và ứng dụng công nghệ trong hoạt động KTNB", tài liệu bồi dưỡng Ki.T viên cao cấp của Ki.T Nhà nước, GS.TS. Đoàn Xuân Tiên Chủ biên.

5. Các bài viết về công nghệ và đào tạo nhân lực KT, Ki.T trong Cuộc CMCN 4.0.